

Kính gửi:

- Thuế tỉnh Gia Lai;
- Thuế tỉnh Thái Nguyên.

Cục Thuế nhận được công văn số 2541/GLA-NVDTPC ngày 10/6/2026 của Thuế tỉnh Gia Lai và công văn số 2700/TNG-KTr1 ngày 08/04/2026 của Thuế tỉnh Thái Nguyên về thuế tài nguyên. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về sản lượng tài nguyên tính thuế

Tại khoản 5 Điều 5 Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25/11/2009 quy định về sản lượng tài nguyên tính thuế như sau:

“5. Đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên dùng cho mục đích công nghiệp thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định bằng mét khối (m³) hoặc lít (l) theo hệ thống đo đếm đạt tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam.”

Tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên quy định về sản lượng tài nguyên tính thuế như sau:

“5. Đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp, nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định bằng mét khối (m³) hoặc lít (l) theo hệ thống đo đếm đạt tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam.

Người nộp thuế phải lắp đặt thiết bị đo đếm sản lượng nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên khai thác để làm căn cứ tính thuế. Thiết bị lắp đặt phải có giấy kiểm định của cơ quan quản lý đo lường chất lượng tiêu chuẩn Việt Nam và thông báo lần đầu với cơ quan thuế kèm theo hồ sơ khai thuế tài nguyên trong kỳ khai thuế gần nhất kể từ ngày lắp đặt xong thiết bị.

...”

2. Về giá tính thuế tài nguyên

Tại khoản 4 Điều 6 Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 quy định về giá tính thuế tài nguyên như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế đối với tài nguyên chưa xác định được giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên, trừ dầu thô, khí thiên nhiên, khí than và nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện”.

Tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ) quy định:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế tài nguyên khai thác quy định tại Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều này. Trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì giá tính thuế tài nguyên khai thác được xác định căn cứ vào trị giá hải quan của sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến xuất khẩu hoặc giá bán sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và các chi phí có liên quan từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu xuất khẩu hoặc từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu bán tại thị trường trong nước.

Căn cứ giá tính thuế tài nguyên đã xác định để áp dụng sản lượng tính thuế đối với đơn vị tài nguyên tương ứng. Giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác được xác định ở khâu nào thì sản lượng tính thuế tài nguyên áp dụng tại khâu đó”.

Tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC nêu trên quy định:

“4. Giá tính thuế tài nguyên trong một số trường hợp được quy định cụ thể như sau:

...

c) Đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp, nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh mà không có giá bán ra thì giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định theo nguyên tắc hướng dẫn tại khoản 5 Điều này”.

Đề nghị Thuế tỉnh Gia Lai, Thuế tỉnh Thái Nguyên căn cứ các quy định nêu trên và tình hình thực tế của từng dự án khai thác, sản xuất nước sạch của tổ chức khai thác tài nguyên để hướng dẫn khai thuế tài nguyên theo đúng quy định của pháp luật.

Cục Thuế có ý kiến đề Thuế tỉnh Gia Lai và Thuế tỉnh Thái Nguyên được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Vụ PC, Cục CST (BTC);
- Ban PC (CT);
- Website (CT);
- Lưu: VT, CS (2b).

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN CHÍNH SÁCH, THUẾ QUỐC TẾ
PHÓ TRƯỞNG BAN



Phạm Thị Minh Hiền